

miền đang được các địa phương trong tỉnh phát triển thương hiệu hoặc sản phẩm OCOP nhưng vẫn chưa có quy chuẩn kỹ thuật để áp dụng, quản lý.

Theo Báo cáo của Bộ Công thương, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mặc dù đã tương đối đầy đủ nhưng cần được liên tục rà soát, chuẩn hóa theo chuẩn mực quốc tế CODEX để đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trong nước và hàng rào kỹ thuật của các nước nhập khẩu. Do quy trình ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn theo qui định được thực hiện qua nhiều bước và nguồn lực cũng như cơ sở khoa học nền để xây dựng tiêu chuẩn quy chuẩn còn thiếu nên hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật được ban hành về số lượng còn chưa đầy đủ tại tất cả các công đoạn trong chuỗi sản xuất, kinh doanh 19 ngành hàng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công thương. Việc phân công các bộ xây dựng các quy định giới hạn an toàn thực phẩm cho các sản phẩm mình quản lý rồi chuyển cho Bộ Y tế ban hành chưa phù hợp, chưa đảm bảo thống nhất, đồng bộ, đầy đủ cho các sản phẩm do 03 bộ quản lý.

1.2.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Để xác định và xây dựng các chỉ tiêu thực hiện đăng ký bản công bố sản phẩm, giúp các doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi chất lượng và an toàn đối với sản phẩm mà mình sản xuất, kinh doanh.

Công tác kiểm nghiệm không chỉ bảo vệ sức khỏe cộng đồng mà còn đóng góp vào sự phát triển bền vững của ngành công nghiệp thực phẩm và duy trì lòng tin của người tiêu dùng. Việc kiểm nghiệm giúp đánh giá sự ổn định của sản phẩm trong suốt thời gian sử dụng, đảm bảo rằng sản phẩm vẫn an toàn và giữ nguyên chất lượng từ khi sản xuất đến khi hết hạn.

Công tác kiểm nghiệm cung cấp dữ liệu và bằng chứng khoa học cho các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm để thực thi các quy định pháp lý. Các kết quả kiểm nghiệm có thể được sử dụng để xác định xem một sản phẩm có đáp ứng các tiêu chuẩn và quy định hiện hành hay không.

1.2.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Giải pháp 0:** Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

+ Kiểm nghiệm phục vụ tự công bố và đăng ký công bố sản phẩm: Phải được thực hiện ở cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định kiểm nghiệm phục vụ QLNN hoặc phòng kiểm nghiệm được công nhận phù hợp ISO 17025.

+ Chỉ bắt buộc kiểm nghiệm chỉ tiêu an toàn

+ Không quy định về định kỳ kiểm nghiệm

- **Giải pháp 1:** Các sản phẩm thực phẩm thực hiện công bố phải được kiểm nghiệm tại các cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm được chỉ định hoặc công nhận phù hợp ISO 17025. Kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn theo nguy cơ đối với từng nhóm sản phẩm và quy định kiểm nghiệm định kỳ đối

với cơ sở có áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP...) kiểm nghiệm 1 năm 1 lần; đối với các cơ sở không áp dụng hệ thống trên thì kiểm nghiệm 6 tháng 1 lần. Ngoài ra, các phiếu kiểm nghiệm mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của các hệ thống quản lý chất lượng trên sẽ được chấp nhận là phiếu kiểm nghiệm định kỳ theo quy định.

Ưu điểm:

Việc kiểm nghiệm định kỳ chỉ tiêu chất lượng và chỉ tiêu an toàn giúp phát hiện và xử lý kịp thời các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng. Ngăn ngừa nguy cơ thực phẩm bị biến đổi chất lượng trong quá trình sản xuất hoặc lưu trữ, tránh các tác động lâu dài từ thực phẩm đối với sức khỏe người tiêu dùng.

Giúp cơ quan quản lý giám sát tốt hơn hoạt động của doanh nghiệp và tình trạng an toàn thực phẩm trên thị trường. Tạo cơ sở dữ liệu cập nhật về chất lượng sản phẩm, hỗ trợ công tác thanh tra và truy xuất nguồn gốc khi có sự cố.

Nhược điểm:

Có thể gây áp lực tài chính lớn cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ hoặc sản xuất quy mô nhỏ. Năng lực kiểm nghiệm hiện chưa đáp ứng được yêu cầu đối với các chỉ tiêu chất lượng.

1.2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Giải pháp 0: Giữ nguyên theo quy định của pháp luật hiện hành

a) *Tác động về kinh tế:*

- Tác động đối với Nhà nước:

Qua đánh giá cho thấy không phát sinh thêm chi phí đối với Nhà nước về chi phí kiểm nghiệm. Hệ thống kiểm nghiệm về ATTP hiện chưa có sự thống nhất. Tại các tỉnh/thành phố, chức năng kiểm nghiệm thực phẩm tại địa phương được giao cho Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm thực phẩm hoặc CDC tỉnh. 61/63 tỉnh/thành phố có đơn vị được giao nhiệm vụ kiểm nghiệm an toàn thực phẩm trực thuộc Sở Y tế có phòng kiểm nghiệm đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 (riêng tỉnh Cà Mau, UBND tỉnh giao chức năng kiểm nghiệm an toàn thực phẩm cho Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cà Mau trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ), tỉnh Lâm Đồng giao cho CDC tỉnh nhưng phòng kiểm nghiệm vừa hết thời hạn đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 theo quy định.

Chức năng kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ QLNN do cả các cơ sở công lập và tư nhân; ngành y tế và ngành khác thực hiện. Năm 2022, có 22/51 đơn vị thuộc ngành y tế được chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an

toàn thực phẩm gồm: 01 Viện Kiểm nghiệm An toàn vệ sinh thực phẩm Quốc gia; 05 Viện chuyên ngành; 09 CDC các tỉnh/thành phố; 07 Trung tâm kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm, thực phẩm các tỉnh/thành phố. Như vậy, việc có nhiều đầu mối khác nhau thực hiện chức năng kiểm nghiệm an toàn thực phẩm đã gây tình trạng chồng chéo và có sự phân tán nguồn lực đầu tư.

Việc thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm theo quy định hiện hành chưa đề cập đến các chỉ tiêu về chất lượng, mới chỉ dừng lại ở các chỉ tiêu cơ bản về mức độ an toàn vẫn sẽ mang lại nguy cơ tăng các vụ ngộ độc thực phẩm hoặc ảnh hưởng tới tình trạng sức khỏe lâu dài của người tiêu dùng. Các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm thực phẩm lưu thông trên thị trường không được kiểm soát sẽ tạo nguy cơ gia tăng bệnh tật và tử vong liên quan đến thực phẩm không đảm bảo chất lượng.

Bên cạnh đó, cùng với những khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm nghiệm thực phẩm, nếu giữ nguyên chính sách hiện hành, các đơn vị/Trung tâm kiểm nghiệm sẽ không có cơ hội kiện toàn và đầu tư năng lực kiểm nghiệm. Quy định về tự công bố sản phẩm cũng gây khó khăn cho công tác kiểm nghiệm. Tại Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm và Thực phẩm Vĩnh Phúc đã thực hiện một số chỉ tiêu theo QCVN và TCVN nhưng nhiều mẫu không thực hiện được do cơ sở sản xuất không cung cấp tiêu chuẩn gốc.

- Tác động đối với doanh nghiệp:

Không có thay đổi về chi phí kiểm nghiệm, thậm chí giúp các doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí, đặc biệt đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ do không quy định về định kỳ kiểm nghiệm. Đồng thời, quy định hiện hành thể hiện quy trình tự công bố và đăng ký công bố được đơn giản hóa do không phải thực hiện chỉ tiêu chất lượng, doanh nghiệp có thể nhanh chóng hoàn thành các thủ tục kiểm nghiệm để ra mắt sản phẩm.

Các chỉ tiêu về chất lượng và an toàn không được thực hiện đầy đủ và thường xuyên sẽ ảnh hưởng tới chất lượng sản phẩm. Doanh nghiệp không kiểm soát được chất lượng sản phẩm trong cả quá trình sản xuất, việc này dẫn đến nguy cơ doanh nghiệp có thể phải mất rất nhiều chi phí để xử lý sự cố và chi phí hoàn trả cho uy tín và thương hiệu bị mất đi.

- Tác động đối với người tiêu dùng:

+ Tác động tích cực: Không làm gia tăng giá thành sản phẩm.

+ Tác động tiêu cực: Hạn chế việc tiếp cận thực phẩm “sạch” của người tiêu dùng, người dân có nguy cơ phải sử dụng thực phẩm không đảm bảo chất lượng trong một thời gian dài và mất thêm chi phí điều trị bệnh do hậu quả của thực phẩm không đảm bảo chất lượng mang lại.

b) Tác động về xã hội

Qua đánh giá cho thấy không phát hiện được tác động tích cực đối với Nhà nước khi thực hiện phương án. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định về kiểm nghiệm thực phẩm hiện hành không những không làm giảm các tác động không mong muốn của vấn đề an toàn thực phẩm tới xã hội, các ca ngộ độc thực phẩm vẫn tiếp tục gia tăng do sản phẩm thực phẩm chưa được quản lý triệt để sẽ ảnh hưởng tới đời sống và môi trường của toàn xã hội. Đặc biệt, tác động lâu dài sẽ có chiều hướng gia tăng trong nhóm người có thu nhập thấp, trẻ em, người già do không có khả năng chi trả cho các sản phẩm đảm bảo chất lượng và an toàn nhưng chi phí cao, do không được tiếp cận với thông tin về thực phẩm đã qua kiểm nghiệm... Từ đó có thể làm tăng tỷ lệ mắc bệnh nặng và tử vong, tạo gánh nặng cho nhà nước và xã hội.

c) Tác động về giới:

Các ý kiến khá đồng thuận và cho rằng các quy định về kiểm nghiệm không có tác động tới vấn đề giới trong việc đảm bảo an toàn và chất lượng đối với sản phẩm thực phẩm.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không có thay đổi gì so với quy định hiện hành nên không có tác động về thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc giữ nguyên quy định hiện hành không làm thay đổi hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, gây khó khăn trong việc quản lý ATTP.

Giải pháp 1: Các sản phẩm thực phẩm thực hiện công bố phải được kiểm nghiệm tại các cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm được chỉ định hoặc công nhận phù hợp ISO 17025. Kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn theo nguy cơ đối với từng nhóm sản phẩm và quy định kiểm nghiệm định kỳ đối với cơ sở có áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến (GMP, HACCP...) kiểm nghiệm 1 năm 1 lần; đối với các cơ sở không áp dụng hệ thống trên thì kiểm nghiệm 6 tháng 1 lần. Ngoài ra, các phiếu kiểm nghiệm mà doanh nghiệp đã thực hiện trong quá trình sản xuất, kinh doanh theo yêu cầu của các hệ thống quản lý chất lượng trên sẽ được chấp nhận là phiếu kiểm nghiệm định kỳ theo quy định.

Bảng 4: Tính đồng thuận trong lựa chọn giải pháp sửa đổi về kiểm nghiệm thực phẩm

Phương án đánh giá tác động	SYT	Doanh nghiệp
<i>Kiểm nghiệm thực phẩm</i>		
GP0: Quy định hiện hành	42%	72%

GP1: Kiểm nghiệm cả chỉ tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn ở cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước. Quy định định kỳ kiểm nghiệm	58%	28%
--	-----	-----

a) Tác động về kinh tế

- Tác động đối với Nhà nước:

Công tác quản lý nhà nước về ATTP trong thời gian qua cho thấy việc không thực hiện định kỳ kiểm nghiệm và không yêu cầu kiểm nghiệm chỉ tiêu an toàn tạo nguy cơ bỏ sót các vấn đề về chất lượng sản phẩm. Kết quả khảo sát các nhà quản lý đều e ngại tới tác hại lâu dài của các sản phẩm thực phẩm hiện nay khi các chỉ tiêu chất lượng đang bị bỏ ngỏ. Một bằng chứng cho thấy rõ trong thời gian gần đây là tỷ lệ các bệnh không lây nhiễm như ung thư, tim mạch, rối loạn chuyển hóa đang ra tăng với tốc độ khá nhanh. Mặc dù chưa có bằng chứng cụ thể về các yếu tố nguy cơ từ việc sử dụng các thực phẩm không đảm bảo chất lượng, tuy nhiên các chỉ tiêu chất lượng không đảm bảo sẽ làm gia tăng mô hình bệnh tật và tử vong đã được ghi nhận ở nhiều nghiên cứu trên thế giới.

Ngoài ra kết quả kiểm nghiệm cũng thể hiện đặc điểm nổi trội của sản phẩm về các chỉ tiêu chất lượng. Ngoài ra, còn thể hiện độ an toàn của sản phẩm thông qua các chỉ tiêu an toàn. (Chỉ tiêu kim loại, vi sinh vật, độc tố vi nấm, thuốc bảo vệ thực vật,...). Các quy định kiểm nghiệm thực phẩm góp phần đảm bảo rằng thực phẩm tiêu thụ trên thị trường đạt chuẩn an toàn, từ đó giảm thiểu nguy cơ ngộ độc thực phẩm và các bệnh liên quan đến thực phẩm. Điều này cải thiện sức khỏe cộng đồng và nâng cao chất lượng cuộc sống. Để đảm bảo tính thống nhất và công bằng, khi công bố chấp nhận một bộ tiêu chuẩn, quy chuẩn, các cơ quan có thẩm quyền phải triển khai đánh giá sự tương đương/phù hợp của bộ nguyên tắc, tiêu chuẩn này so với nguyên tắc, tiêu chuẩn Thực hành tốt tương ứng của Tổ chức Y tế thế giới, như vậy, đòi hỏi phải có kinh phí, nhân lực có trình độ chuyên môn cao.

Kết quả khảo sát đánh giá tác động cho thấy mức độ đồng thuận với giải pháp sửa đổi được đề xuất khá cao (80%). Theo đó, giải pháp này tạo cơ sở cung cấp dữ liệu cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc giám sát và quản lý chất lượng thực phẩm trên thị trường. Tạo cơ hội cho các đơn vị kiểm nghiệm nâng cao năng lực đồng thời tăng nguồn lực đầu tư và kinh phí cho hoạt động kiểm nghiệm. Giải pháp này sẽ có tính khả thi cao nếu hệ thống kiểm nghiệm thực phẩm nhà nước đạt tiêu chuẩn và đủ năng lực xử lý hồ sơ với số lượng lớn khi áp dụng kiểm nghiệm định kỳ. Đổi lại, việc thực hiện kiểm nghiệm chỉ tiêu chất lượng giúp ngăn chặn các hành vi gian lận trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm.

- Tác động đối với doanh nghiệp:

Mặc dù chi phí kiểm nghiệm thực phẩm có thể cao, nhưng lợi ích mà nó mang lại là rất lớn và có giá trị dài hạn. Bằng cách đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, tăng cường uy tín và tuân thủ quy định pháp luật, kiểm nghiệm thực phẩm không chỉ bảo vệ sức khỏe cộng đồng mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của doanh nghiệp và nền kinh tế quốc gia. Do đó, đầu tư vào kiểm nghiệm thực phẩm là một bước đi cần thiết và hợp lý từ góc độ kinh tế và xã hội.

Khảo sát về tác động chi phí đối với doanh nghiệp là khó xác định do chưa có nguồn dữ liệu cụ thể. Tuy nhiên, ước tính chi phí trung bình cho 1 lần thực hiện kiểm nghiệm thực phẩm mà doanh nghiệp phải bỏ ra là 1.000.000đ đối với chỉ tiêu an toàn và khoảng 3.000.000đ/chỉ tiêu chất lượng. Chi phí này có thể ảnh hưởng tới các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ tại địa phương. Đối với các doanh nghiệp sản xuất có quy mô lớn đạt GMP và các chứng nhận ISO 22000, HACCP... thì không ảnh hưởng nhiều do trong hệ thống đã có kiểm nghiệm nội bộ thường quy theo lô sản xuất.

Các doanh nghiệp tuân thủ tốt các quy định kiểm nghiệm thường xây dựng được uy tín cao và lòng tin từ khách hàng. Điều này có thể dẫn đến sự tăng trưởng bền vững và khả năng cạnh tranh mạnh mẽ trên thị trường.

Qua đánh giá cho thấy không phát hiện được tác động tiêu cực đối với cơ sở sản xuất khi thực hiện phương án.

- Tác động đối với người dân:

Các quy định về kiểm nghiệm thực phẩm thúc đẩy việc nâng cao nhận thức của cộng đồng về an toàn thực phẩm. Người dân hiểu rõ hơn về tầm quan trọng của việc lựa chọn thực phẩm an toàn và có xu hướng tìm kiếm các sản phẩm có kiểm định chất lượng.

Chi phí lợi ích cho thấy khi sử dụng các sản phẩm đã được kiểm nghiệm, người tiêu dùng giảm thiểu nguy cơ ngộ độc thực phẩm hoặc mắc các bệnh liên quan đến thực phẩm kém chất lượng. Điều này giúp giảm chi phí y tế và thời gian nghỉ làm, từ đó tiết kiệm tài chính cá nhân. Người tiêu dùng có thể an tâm hơn khi sử dụng các sản phẩm đã qua kiểm nghiệm, biết rằng sản phẩm đó đã được kiểm tra về độ an toàn và chất lượng. Điều này nâng cao chất lượng cuộc sống và tâm lý tích cực.

Người tiêu dùng có thể nhận được giá trị tốt hơn từ số tiền họ bỏ ra, khi sản phẩm có thời gian sử dụng lâu hơn và chất lượng dinh dưỡng cao hơn. Sử dụng thực phẩm chất lượng tốt hơn có thể dẫn đến sức khỏe tốt hơn về lâu dài, giảm nguy cơ mắc các bệnh mãn tính như tiểu đường, béo phì và tim mạch.

Có khả năng tăng giá thành sản phẩm do chi phí đầu tư phát sinh nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng.

Chi phí tài chính trực tiếp: Các sản phẩm đã được kiểm nghiệm thường có giá cao hơn do chi phí liên quan đến quy trình kiểm nghiệm, tuân thủ quy định, và bảo đảm chất lượng. Điều này có thể khiến người tiêu dùng phải trả giá cao hơn so với các sản phẩm không được kiểm nghiệm hoặc kiểm nghiệm không chặt chẽ.

Chi phí cơ hội: Nếu giá cao hơn, người tiêu dùng có thể phải từ bỏ hoặc giảm chi tiêu cho các nhu cầu khác, đặc biệt là những người có thu nhập thấp.

Như vậy, về chi phí, người tiêu dùng có thể phải chịu chi phí cao hơn khi mua các sản phẩm đã được kiểm nghiệm. Điều này có thể làm giảm khả năng tiếp cận của một số đối tượng thu nhập thấp. Sự hạn chế về lựa chọn cũng có thể là một vấn đề đối với những người tiêu dùng yêu cầu đa dạng trong sản phẩm. Về lợi ích, người tiêu dùng sẽ nhận được từ các sản phẩm đã được kiểm nghiệm, bao gồm an toàn sức khỏe, chất lượng cao hơn, thông tin rõ ràng, và sự bảo vệ quyền lợi, thường lớn hơn rất nhiều so với chi phí. Những yếu tố này không chỉ giúp nâng cao chất lượng cuộc sống mà còn giúp người tiêu dùng tiết kiệm chi phí y tế và tăng cường sự an tâm khi tiêu dùng, mang lại lợi ích dài hạn và đáng kể cho người tiêu dùng, đặc biệt là trong việc bảo vệ sức khỏe và đảm bảo chất lượng cuộc sống.

Bảng 5: Đánh giá tác động về chi phí đối với giải pháp kiểm nghiệm thực phẩm

Kiểm nghiệm thực phẩm			
	Tăng chi phí	Giảm chi phí	Không tác động
GP1: Kiểm nghiệm cả chi tiêu chất lượng, chỉ tiêu an toàn ở cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước. Quy định định kỳ kiểm nghiệm	55%	2%	43%

b) Tác động về xã hội

Các quy định về kiểm nghiệm thực phẩm có tác động xã hội to lớn và đa chiều, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, thúc đẩy nhận thức về an toàn thực phẩm, và tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của thị trường thực phẩm. Tuy nhiên, chúng cũng đặt ra những thách thức, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ và người tiêu dùng có thu nhập thấp. Việc cân bằng giữa bảo vệ sức khỏe cộng đồng và hỗ trợ doanh nghiệp, người tiêu dùng là một nhiệm vụ quan trọng của các cơ quan quản lý nhà nước.

Các quy định kiểm nghiệm thực phẩm khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các tiêu chuẩn cao về an toàn và chất lượng, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Khi sử dụng các sản phẩm đã được kiểm nghiệm, người tiêu dùng giảm thiểu nguy cơ ngộ độc thực phẩm hoặc mắc các bệnh liên quan đến thực phẩm kém chất lượng. Điều này giúp giảm chi phí y tế và thời gian nghỉ làm, từ đó tiết kiệm tài chính cá nhân, đặc biệt là các đối tượng có thu nhập thấp.

Đối với doanh nghiệp: Sự chênh lệch trong khả năng tuân thủ giữa các doanh nghiệp lớn và nhỏ có thể dẫn đến tình trạng bất bình đẳng trong thị trường, khi các doanh nghiệp nhỏ gặp khó khăn hơn trong việc đáp ứng các yêu cầu khắt khe.

Đối với người tiêu dùng: Qua đánh giá cho thấy không phát hiện được tác động tiêu cực đối với người dân khi thực hiện phương án.

c) Tác động về giới:

Các ý kiến khá đồng thuận và cho rằng các quy định về kiểm nghiệm không có tác động tới vấn đề giới trong việc đảm bảo an toàn và chất lượng đối với sản phẩm thực phẩm.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Quy định yêu cầu sản phẩm phải được kiểm nghiệm định kỳ, hoặc mỗi khi có sự thay đổi về quy trình sản xuất sẽ làm làm tăng khối lượng công việc hành chính liên quan đến quản lý và lưu trữ kết quả kiểm nghiệm.

Để đáp ứng các quy định về an toàn thực phẩm, doanh nghiệp có thể cần phải xin các giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy từ các cơ quan có thẩm quyền, làm phát sinh thêm các bước thủ tục.

Như vậy, các quy định về kiểm nghiệm chất lượng và an toàn thực phẩm thực sự có thể làm phát sinh thêm các thủ tục hành chính cho cả doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Mặc dù điều này có thể tạo ra sự phức tạp và tăng chi phí về thời gian và tài chính, nhưng nó cũng là cần thiết để đảm bảo rằng các sản phẩm thực phẩm trên thị trường đạt chuẩn về an toàn và chất lượng. Quá trình quản lý và tuân thủ các thủ tục hành chính này là một phần không thể thiếu trong việc duy trì một môi trường kinh doanh công bằng và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc ban hành chính sách vẫn bảo đảm tính phù hợp với Hiến pháp. Thuận lợi cho việc xem xét, chấp nhận, thừa nhận kết quả đánh giá điều kiện cơ sở sản xuất đạt GMP và các tiêu chuẩn khác phù hợp với thông lệ quốc tế.

Sửa đổi, bổ sung Luật An toàn thực phẩm về kiểm nghiệm theo hướng hài hòa quy định quốc tế, tiệm cận với các quy chuẩn và tiêu chuẩn quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả và khả thi. Phương án sửa đổi, bổ sung cần phù hợp với các Hiệp định, Thỏa thuận, Điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và ký kết cũng như đáp ứng được yêu cầu quản lý trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay (Xem Phụ lục 1)

Mỗi quốc gia đều có những tiêu chuẩn và quy định cụ thể về an toàn thực phẩm. Kiểm nghiệm chất lượng giúp đảm bảo rằng các sản phẩm đáp ứng các yêu cầu pháp lý này, tránh vi phạm và các hậu quả pháp lý liên quan.

1.2.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 1 vì:

Kết quả kiểm nghiệm cung cấp dữ liệu quan trọng cho cơ quan quản lý nhà nước trong việc giám sát và quản lý chất lượng thực phẩm trên thị trường. Điều này giúp phát hiện sớm các vấn đề và có biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Kiểm nghiệm chất lượng giúp ngăn chặn các hành vi gian lận trong sản xuất và kinh doanh thực phẩm, như việc sử dụng nguyên liệu kém chất lượng hoặc không đúng tiêu chuẩn, từ đó bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Kiểm nghiệm cả chỉ tiêu chất lượng và an toàn là cần thiết để đảm bảo rằng các sản phẩm thực phẩm an toàn, đáp ứng các tiêu chuẩn quy định, và mang lại giá trị dinh dưỡng đúng như cam kết. Nó không chỉ bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng mà còn đảm bảo sự tuân thủ pháp luật, duy trì uy tín của doanh nghiệp, và hỗ trợ công tác quản lý thị trường hiệu quả.

Tỷ lệ đồng thuận với giải pháp 1 là tương đối cao, gần 100% các ý kiến từ phía cơ quan quản lý nhà nước đều cho rằng việc điều chỉnh chính sách về kiểm nghiệm là phù hợp. Một số ý kiến từ phía doanh nghiệp cũng ngại rằng quy định sẽ làm phát sinh chi phí cho doanh nghiệp trong điều kiện các doanh nghiệp đang ở trong tình trạng khó khăn của thời kỳ hậu Covid. Do vậy, các ý kiến cũng cho rằng cần bổ sung các điều kiện thực hiện theo lộ trình phù hợp. Điều chỉnh trong Luật ATTP sửa đổi là cần thiết và tạo khung pháp lý dài hạn. Tuy nhiên, cũng cần cân nhắc việc triển khai đồng loạt đối với tất cả các sản phẩm sẽ tạo áp lực rất lớn cho đơn vị kiểm nghiệm thực phẩm khi chưa đủ nguồn lực cả về con người và kỹ thuật, thiết bị máy móc. Trước mắt, quy định này có thể phù hợp với doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp có quy mô lớn. Nhà nước cũng cần cân nhắc chính sách hỗ trợ tài chính hoặc các chính sách khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể đảm bảo tuân thủ quy định này. (hỗ trợ kinh phí hoặc nới rộng thời hạn định kỳ kiểm nghiệm...).

Cơ hội cho thực hiện giải pháp này là sự ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong liên thông chia sẻ dữ liệu kiểm nghiệm cũng như truy vấn, kiểm tra thông tin giữa các bên liên quan bao gồm cơ quan quản lý ATTP, cơ sở kiểm nghiệm, doanh nghiệp cũng như với quốc tế.

1.3. Kiểm tra nhà nước đối với các sản phẩm thực phẩm nhập khẩu

1.3.1. Xác định vấn đề bất cập

Điều 40, Luật An toàn thực phẩm quy định phương thức kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm gồm 03 phương thức: kiểm tra thông thường (chỉ kiểm tra hồ sơ của lô hàng), kiểm tra giảm (kiểm tra hồ sơ tối đa 5% trên tổng số lô hàng nhập khẩu) và kiểm tra chặt (kiểm tra hồ sơ và kết hợp lấy mẫu). Cơ quan kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu là cơ quan được Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Bộ Công Thương giao hoặc chỉ định. Trường hợp một lô hàng nhập khẩu có nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của nhiều bộ thì cơ quan kiểm tra nhà nước là cơ quan được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao hoặc chỉ định.

Tuy nhiên, một số hạn chế của Nghị định 15 là chưa quy định rõ ràng, cụ thể trong cách thức xác định tỷ lệ lô hàng nhập khẩu trong trường hợp áp dụng phương thức kiểm tra giảm; thực thi thiếu nhất quán đối với trường hợp sản phẩm là mẫu thử nghiệm. Ở một số cơ quan địa phương vẫn có hiện tượng cán bộ yêu cầu doanh nghiệp bổ sung giấy tờ nhiều lần; thậm chí có những yêu cầu nằm ngoài quy định. Đối với kiểm tra giảm, trong quá trình thực thi nhiệm vụ, cơ quan hải quan cũng phản ánh, gặp khó khi thông quan hàng hoá do thiếu tiêu chí xác định lượng mẫu như thế nào là phù hợp đối với trường hợp được miễn kiểm tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm. Đây là bất cập cần sớm bổ sung khi sửa đổi, bổ sung Nghị định 15

Trong thời gian vừa qua, công tác kiểm tra nhà nước về chất lượng, kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với hàng hóa nhập khẩu vẫn còn nhiều bất cập, và không khả thi. Bên cạnh đó, Luật và các văn bản hướng dẫn chưa nêu rõ quy trình ba bước kiểm tra đối với sản phẩm nhập khẩu. Khoản 4 Điều 14 Luật Ban Hành văn bản quy phạm pháp luật không cho phép quy định các thủ tục hành chính trong các văn bản của Bộ trưởng, vì vậy cần phải quy định cụ thể các phương thức kiểm tra này trong Luật ATTP.

1.3.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Quy định rõ phương thức kiểm tra đối với từng danh mục hàng hóa giúp tối ưu hóa quy trình kiểm soát chất lượng và an toàn thực phẩm, đồng thời bảo vệ sức khỏe cộng đồng và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp. Các phương thức kiểm tra được áp dụng dựa trên mức độ rủi ro, loại sản phẩm, và hồ sơ của doanh nghiệp, từ đó đảm bảo rằng các sản phẩm thực phẩm đáp ứng yêu cầu chất lượng và an toàn.

1.3.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- ***Giải pháp 0:*** Giữ nguyên quy định của pháp luật hiện hành.

Thực hiện kiểm tra nhà nước theo 03 phương thức (Chặt, thông thường, giảm)

- ***Giải pháp 1:***

Thực hiện kiểm tra theo 03 phương thức (Chặt, thông thường, giảm) và

giao cho các bộ chuyên ngành xây dựng Danh mục hàng hóa phải kiểm tra nhà nước và quy định hướng dẫn việc áp dụng các phương thức kiểm tra

1.3.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Giải pháp 0: Giữ nguyên theo quy định của pháp luật hiện hành

a) *Tác động về kinh tế:*

- Tác động đối với Nhà nước:

Lợi ích mang lại của việc áp dụng đồng bộ 3 phương thức kiểm tra giúp cắt giảm số lần phải kiểm tra, số lô hàng nhập khẩu phải kiểm tra, góp phần tiết kiệm chi phí, nguồn lực, ngày công, thời gian thông quan cho doanh nghiệp, từ đó giúp cắt giảm chi phí xã hội không cần thiết.

Chuyển đổi phương thức kiểm tra được thực hiện theo hướng: hàng hóa đã có 3 lần liên tiếp đạt yêu cầu nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt được chuyển sang phương thức kiểm tra thông thường; hàng hóa đã có 3 lần liên tiếp đạt yêu cầu nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường được chuyển sang phương thức kiểm tra giảm

Việc áp dụng phương thức kiểm tra và chuyển đổi phương thức kiểm tra phụ thuộc vào mức độ rủi ro, khả năng gây mất an toàn của hàng hóa nhập khẩu (ví dụ, đối với hàng hóa có độ rủi ro cao như vật liệu nổ, thuốc thú y... phải kiểm tra chặt chẽ hơn nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa).

Thực hiện kiểm tra theo mặt hàng để cắt giảm số lượng các lô hàng phải kiểm tra. Tức là áp dụng phương thức kiểm tra, chuyển đổi phương thức kiểm tra từ kiểm tra chặt sang kiểm tra thông thường, từ kiểm tra thông thường sang kiểm tra giảm thực hiện đối với hàng hóa giống hệt, không phân biệt nhà nhập khẩu để cắt giảm một số bước kiểm tra không cần thiết và cắt giảm tỷ lệ kiểm tra đối với cùng một mặt hàng. Người nhập khẩu chịu trách nhiệm với lô hàng nhập khẩu và sẽ bị xử lý theo quy định nếu hàng hóa không đạt chất lượng.

Thực tế chứng minh, quy định này không phù hợp trên thực tế và không khả thi, không mang lại hiệu quả pháp lý của chính sách. Chưa có số liệu cụ thể từ cơ quan Hải quan cung cấp tuy nhiên do chưa có quy định cụ thể danh mục các sản phẩm cần kiểm tra theo từng phương thức của các ngành chủ quản dẫn đến cơ quan Hải quan thiếu căn cứ triển khai thực hiện.

- Tác động đối với doanh nghiệp:

Chưa xác định được sự thay đổi về chi phí kiểm tra tuy nhiên các ý kiến đều đồng thuận cho rằng việc thực hiện các phương thức kiểm tra đối với các sản phẩm nhập khẩu không tác động lớn tới doanh nghiệp.

Với tần suất kiểm tra thấp hơn, có thể có nguy cơ không phát hiện sớm được các vấn đề tiềm ẩn về chất lượng hoặc an toàn thực phẩm. Điều này có thể

dẫn đến việc sản phẩm không đạt yêu cầu vẫn được lưu hành trên thị trường

- Tác động đối với người tiêu dùng:

Không làm gia tăng giá thành sản phẩm. Doanh nghiệp có thể giảm chi phí liên quan đến kiểm tra và tuân thủ, điều này có thể dẫn đến giảm giá thành sản phẩm và giá bán lẻ, từ đó mang lại lợi ích về mặt tài chính cho người tiêu dùng.

Các phương thức kiểm tra nhà nước về thực phẩm – kiểm tra giảm, kiểm tra thông thường, và kiểm tra chặt – đều có những tác động quan trọng đến người tiêu dùng. Những tác động này ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn, chất lượng thực phẩm mà người tiêu dùng tiêu thụ, cũng như đến chi phí và sự tin tưởng vào hệ thống kiểm soát thực phẩm

b) Tác động về xã hội

Qua đánh giá cho thấy không phát hiện được tác động tích cực đối với Nhà nước khi thực hiện phương án. Các doanh nghiệp uy tín thường duy trì tiêu chuẩn chất lượng cao để được hưởng lợi từ kiểm tra giảm. Điều này giúp người tiêu dùng tiếp cận các sản phẩm chất lượng cao và an toàn.

Với tần suất kiểm tra thấp hơn, có thể không phát hiện sớm các vấn đề về chất lượng hoặc an toàn thực phẩm. Điều này có thể dẫn đến việc các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn vẫn được lưu hành, gây nguy hiểm cho sức khỏe người tiêu dùng.

Kiểm tra giảm có thể không đủ để phát hiện kịp thời các mối nguy mới nổi hoặc thay đổi trong quy trình sản xuất, dẫn đến nguy cơ sức khỏe không được kiểm soát đầy đủ.

c) Tác động về giới:

Các ý kiến khá đồng thuận và cho rằng các quy định về kiểm tra nhà nước không có tác động tới vấn đề giới trong việc đảm bảo an toàn và chất lượng đối với sản phẩm thực phẩm.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Chính sách không có thay đổi gì so với quy định hiện hành nên không có tác động về thủ tục hành chính.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Việc giữ nguyên quy định hiện hành không làm thay đổi hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, gây khó khăn trong việc quản lý ATTP.

Giải pháp 1: Quy định phương thức kiểm tra phù hợp đối với từng loại hàng hóa

Bảng 4: Tính đồng thuận trong lựa chọn giải pháp sửa đổi về kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu

Phương án đánh giá tác động	SYT	Doanh nghiệp
Kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu		
GP0: Quy định hiện hành	15%	31%
GP1: Kiểm tra theo 03 phương thức (Chặt, thông thường, giảm) và giao cho các bộ chuyên ngành: Xây dựng Danh mục hàng hóa phải kiểm tra nhà nước và quy định việc áp dụng các phương thức kiểm tra	85%	69%

a) Tác động về kinh tế

- Tác động đối với Nhà nước:

Quy định rõ phương thức kiểm tra cho từng danh mục hàng hóa giúp cơ quan quản lý tập trung nguồn lực vào các sản phẩm có nguy cơ cao về an toàn thực phẩm, như thực phẩm tươi sống hoặc sản phẩm nhập khẩu. Điều này giúp tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực và giảm tải công việc cho các cơ quan quản lý.

Các sản phẩm có rủi ro thấp hơn có thể được áp dụng phương thức kiểm tra giảm hoặc thông thường, giúp giảm khối lượng công việc và tăng cường hiệu quả trong việc quản lý và kiểm soát.

Quy định rõ ràng về phương thức kiểm tra giúp nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, từ việc giảm bớt kiểm tra cho các sản phẩm an toàn đến thực hiện kiểm tra chặt chẽ cho các sản phẩm có rủi ro cao. Điều này giúp đảm bảo rằng các sản phẩm thực phẩm đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và an toàn.

Các phương thức kiểm tra được quy định cụ thể giúp cơ quan quản lý duy trì giám sát hiệu quả đối với các loại sản phẩm khác nhau, từ đó phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề liên quan đến an toàn thực phẩm.

Việc quy định rõ phương thức kiểm tra cho từng danh mục hàng hóa thực phẩm có thể phát sinh chi phí quản lý và điều hành, thực hiện kiểm tra, cơ sở vật chất, quản lý dữ liệu và báo cáo, cũng như xử lý sự cố và điều chỉnh chính sách. Mặc dù các chi phí này có thể đáng kể, việc đầu tư vào quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm là cần thiết để bảo vệ sức khỏe cộng đồng và đảm bảo sự minh bạch và hiệu quả trong công tác quản lý thực phẩm.

Việc quy định rõ phương thức kiểm tra đối với từng danh mục hàng hóa thực phẩm có thể dẫn đến tăng chi phí, khối lượng công việc, áp lực từ công chúng và doanh nghiệp, khó khăn trong việc duy trì tính linh hoạt, và rủi ro về hiệu quả và chính xác. Những tác động tiêu cực này cần được cân nhắc và quản

lý để đảm bảo rằng hệ thống kiểm tra thực phẩm hoạt động hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm

- Tác động đối với doanh nghiệp:

Doanh nghiệp sẽ có một cái nhìn rõ ràng về các yêu cầu kiểm tra cho từng danh mục sản phẩm. Điều này giúp doanh nghiệp chuẩn bị tốt hơn cho các cuộc kiểm tra và giảm thiểu sự không chắc chắn về các tiêu chuẩn cần đạt.

Việc quy định rõ danh mục và phân loại các sản phẩm nhập khẩu cần kiểm tra theo từng phương thức cụ thể sẽ giúp doanh nghiệp chủ động được thủ tục hành chính và chi phí. Doanh nghiệp được giảm tần suất kiểm tra sẽ tiết kiệm được chi phí liên quan đến kiểm nghiệm, xử lý thủ tục hành chính, và thời gian. Điều này tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư nguồn lực vào các hoạt động khác như cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng và mở rộng sản xuất.

Quy định rõ ràng giúp đảm bảo rằng tất cả các doanh nghiệp đều phải tuân thủ các yêu cầu giống nhau, tạo ra một môi trường cạnh tranh công bằng hơn.

Doanh nghiệp có thể nâng cao uy tín bằng cách chứng minh rằng sản phẩm của mình đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm nghiêm ngặt. Điều này có thể tạo ra lợi thế cạnh tranh và gia tăng sự tin tưởng từ phía khách hàng.

Quy định rõ phương thức kiểm tra giúp doanh nghiệp dễ dàng tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định quốc tế, điều này có thể tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc xuất khẩu sản phẩm ra thị trường quốc tế.

Qua đánh giá cho thấy không phát hiện được tác động tiêu cực đối với cơ sở sản xuất khi thực hiện phương án.

- Tác động đối với người tiêu dùng:

Đảm bảo chất lượng và an toàn: Quy định rõ phương thức kiểm tra giúp đảm bảo rằng các sản phẩm thực phẩm trên thị trường đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng và an toàn, bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng khỏi các rủi ro liên quan đến thực phẩm không đạt tiêu chuẩn.

Thông tin rõ ràng: Người tiêu dùng có thể yên tâm hơn khi biết rằng sản phẩm thực phẩm được kiểm tra theo các phương thức rõ ràng và tiêu chuẩn, điều này giúp họ cảm thấy tin tưởng hơn khi mua sắm và tiêu thụ thực phẩm

b) Tác động về xã hội

Quy định kiểm tra nghiêm ngặt giúp phát hiện và loại bỏ các sản phẩm thực phẩm không đạt tiêu chuẩn, từ đó giảm nguy cơ ngộ độc thực phẩm và các bệnh liên quan đến thực phẩm, góp phần cải thiện sức khỏe cộng đồng.

Các tiêu chuẩn kiểm tra cao hơn có thể đặc biệt quan trọng đối với các nhóm dễ bị tổn thương như trẻ em, người già, và những người có bệnh lý nền, giúp bảo vệ sức khỏe của những nhóm này.

Sự không đồng bộ trong việc thực hiện các yêu cầu kiểm tra có thể gây ra sự bất bình đẳng giữa các cộng đồng địa phương, ảnh hưởng đến sự công bằng trong việc tiếp cận thực phẩm an toàn.

Quy định rõ phương thức kiểm tra đối với từng danh mục hàng hóa thực phẩm có thể mang lại nhiều tác động tích cực cho xã hội, bao gồm cải thiện sức khỏe cộng đồng, nâng cao nhận thức và giáo dục về an toàn thực phẩm, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, và xây dựng niềm tin xã hội. Tuy nhiên, cũng có thể gây ra các tác động tiêu cực như tăng sự phân hóa xã hội, tạo ra sự không đồng bộ trong áp dụng, và tạo gánh nặng hành chính và xã hội. Những tác động này cần được cân nhắc và quản lý để tối ưu hóa lợi ích cho xã hội và giảm thiểu bất tiện.

c) Tác động về giới:

Các ý kiến khá đồng thuận và cho rằng các quy định về kiểm tra nhà nước rõ ràng giúp đảm bảo rằng tất cả người tiêu dùng, bất kể giới tính, đều có quyền tiếp cận thực phẩm an toàn và chất lượng cao, tạo ra sự công bằng trong việc bảo vệ sức khỏe.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Quy định rõ phương thức kiểm tra đối với từng danh mục hàng hóa thực phẩm có thể dẫn đến việc tăng hoặc giảm thủ tục hành chính, tùy thuộc vào cách thức triển khai và quản lý quy định. Nếu quy định yêu cầu nhiều hồ sơ, quy trình phức tạp, và giám sát chặt chẽ, có thể làm tăng thủ tục hành chính. Ngược lại, nếu quy định được thiết kế rõ ràng, minh bạch, và được hỗ trợ bởi công nghệ và hợp tác hiệu quả, có thể giúp giảm thủ tục hành chính và cải thiện quy trình làm việc.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Quy định cụ thể về phương thức kiểm tra giúp làm rõ các yêu cầu pháp lý liên quan đến chất lượng và an toàn thực phẩm, giảm thiểu sự mơ hồ và không chắc chắn trong việc thực thi pháp luật.

Việc quy định rõ ràng có thể dẫn đến sự cần thiết phải điều chỉnh và cập nhật thường xuyên để đáp ứng các thay đổi trong thực tiễn và yêu cầu mới. Điều này có thể gây ra sự không ổn định và khó khăn trong việc duy trì hệ thống pháp luật.

1.3.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 1 vì:

Quy định rõ phương thức kiểm tra giúp đảm bảo rằng tất cả các sản phẩm thực phẩm được kiểm tra một cách đồng bộ và phù hợp, từ đó bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng và giảm nguy cơ ngộ độc thực phẩm.

Quy định chi tiết giúp xác định các tiêu chuẩn chất lượng rõ ràng, giúp doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm chủ động và cung cấp các sản phẩm có chất lượng.

Với các quy định rõ ràng, các cơ quan quản lý có thể thực hiện công việc giám sát và kiểm tra một cách phù hợp và tăng cường hiệu quả thực thi trong công tác kiểm tra nhà nước về ATTP.

1.4. Quản lý các sản phẩm phải kiểm soát đặc biệt

1.4.1. Xác định vấn đề bất cập

Đây là một nội dung hoàn toàn mới dự kiến cần đưa vào Luật an toàn thực phẩm sửa đổi với các lý do sau:

Thứ nhất, việc thực hiện quản lý nhà nước đối với các sản phẩm thực phẩm cần kiểm soát đặc biệt là vô cùng cần thiết vì nhiều lý do quan trọng. Trước tiên, các sản phẩm này thường tiềm ẩn nhiều nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng, do chứa các thành phần có thể gây hại nếu không được kiểm soát chặt chẽ, chẳng hạn như chất phụ gia, hóa chất bảo quản, hay các thành phần biến đổi gen. Sự quản lý của nhà nước thông qua các tiêu chuẩn, quy chuẩn và quy trình kiểm tra giúp đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, hạn chế tối đa các tác động xấu đến sức khỏe.

Thứ hai, các sản phẩm thực phẩm đặc biệt, ví dụ như thực phẩm chức năng, thực phẩm cho trẻ em, hay các loại thực phẩm nhập khẩu hiện đã được quản lý, tuy nhiên một số sản phẩm mới trên đã xuất hiện trên thị trường, đặc biệt là thị trường quốc tế như: các sản phẩm sinh học, sản phẩm hữu cơ, sản phẩm biến đổi gen hoặc các sản phẩm có thành phần chất cấm, chất hạn chế sử dụng trong chế biến thực phẩm chưa được quy định cụ thể. Các sản phẩm này cần sự kiểm soát gắt gao để đảm bảo chất lượng và nguồn gốc. Việc quản lý nhà nước không chỉ giúp giám sát quy trình sản xuất, nhập khẩu và phân phối mà còn ngăn chặn các sản phẩm kém chất lượng hoặc không rõ nguồn gốc tràn lan trên thị trường, bảo vệ quyền lợi và niềm tin của người tiêu dùng.

Thứ ba, quản lý nhà nước đối với nhóm thực phẩm này cũng nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành thực phẩm một cách bền vững và có trách nhiệm. Các quy định về chất lượng và an toàn thực phẩm giúp các doanh nghiệp có hướng phát triển đúng đắn, nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời ngăn ngừa các hành vi gian lận thương mại như pha trộn, giả mạo sản phẩm. Điều này góp phần xây dựng một môi trường kinh doanh lành mạnh, thúc đẩy nền kinh tế phát triển và tạo niềm tin lâu dài cho xã hội.

Như vậy, quản lý nhà nước đối với các sản phẩm thực phẩm phải kiểm soát đặc biệt không chỉ là việc đảm bảo sức khỏe cộng đồng mà còn là yếu tố quan trọng trong việc xây dựng niềm tin và phát triển bền vững của ngành thực phẩm.

Xác định danh mục các sản phẩm thực phẩm cần kiểm soát đặc biệt này nhằm đảm bảo rằng những sản phẩm có nguy cơ cao được quản lý một cách chặt chẽ. Việc tuân thủ các quy định giúp đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng, duy trì chất lượng sản phẩm trên thị trường, đồng thời góp phần phát triển nền công nghiệp thực phẩm bền vững. Những tiêu chuẩn này bao gồm mức giới hạn tối đa của các chất độc hại, đảm bảo quy trình sản xuất an toàn, kiểm soát phụ gia và chất bảo quản. Điều này giúp người tiêu dùng yên tâm khi sử dụng sản phẩm mà không lo lắng về nguy cơ sức khỏe.

1.4.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Các sản phẩm thực phẩm có thành phần kiểm soát đặc biệt thường tiềm ẩn nguy cơ cao đối với sức khỏe do chứa các chất có thể gây dị ứng, các chất bảo quản, phụ gia hoặc các thành phần có tính chất sinh học mạnh (như thành phần trong thực phẩm chức năng và thực phẩm biến đổi gen). Quản lý chặt chẽ giúp ngăn ngừa nguy cơ ngộ độc thực phẩm, các vấn đề về tiêu hóa, dị ứng và các bệnh mãn tính liên quan đến tiêu thụ thực phẩm không an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và sự phát triển bền vững.

Việc kiểm soát chặt chẽ các thành phần đặc biệt ngăn chặn các hành vi gian lận thương mại như giả mạo thành phần, quảng cáo sai sự thật, hoặc sử dụng các thành phần cấm nhằm tăng lợi nhuận. Quản lý nghiêm ngặt sẽ giúp bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, giảm thiểu tình trạng lừa dối, quảng cáo sai lệch về công dụng của sản phẩm.

Quản lý chặt chẽ các thành phần thực phẩm cần kiểm soát đặc biệt giúp hướng đến một môi trường sản xuất an toàn và thân thiện hơn với môi trường. Đối với các sản phẩm hữu cơ, quản lý khuyến khích quy trình sản xuất bền vững, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và hệ sinh thái. Điều này không chỉ cải thiện chất lượng thực phẩm mà còn giảm thiểu tác động tiêu cực lâu dài đến sức khỏe cộng đồng.

1.4.3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

- **Giải pháp 0:** Chưa quy định.

- **Giải pháp 1:**

Luật quy định nguyên tắc các sản phẩm có khả năng sử dụng sai mục đích cần kiểm soát đặc biệt và giao Chính phủ quy định cụ thể loại hàng hóa và phương thức kiểm soát theo từng thời kỳ.

Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp, đình chỉ, thu hồi và xử lý Giấy phép nhập khẩu

1.4.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

Giải pháp 1: quy định nguyên tắc các sản phẩm có khả năng sử dụng sai

mục đích cần kiểm soát đặc biệt và giao Chính phủ quy định cụ thể loại hàng hóa và phương thức kiểm soát theo từng thời kỳ.

Bảng 6: Tính đồng thuận trong lựa chọn giải pháp sửa đổi về quản lý nhà nước đối với thực phẩm phải kiểm soát đặc biệt

Phương án đánh giá tác động	SYT	Doanh nghiệp
Quản lý đối với sản phẩm phải kiểm soát đặc biệt		
GP0: Không quy định	6%	17%
GP1: Quy định nguyên tắc quản lý đối với các sản phẩm cần kiểm soát đặc biệt. Giao Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa cần kiểm soát đặc biệt và phương thức quản lý theo từng thời kỳ	94%	83%

a) Tác động về kinh tế:

- Tác động đối với Nhà nước:

Khi các cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát tốt các sản phẩm thực phẩm có thành phần đặc biệt là thực phẩm có thể dùng sai mục đích là thực phẩm có hại cho sức khỏe cộng đồng (VD: có tác dụng gây nghiện, có thể chiết xuất các độc tố hoặc chất gây nghiện v.v..) thì người tiêu dùng sẽ tránh được những rủi ro nguy hiểm đến sức khỏe, cộng đồng tránh được các tác động xã hội và an toàn gây nên bởi tác dụng có hại, sai mục đích của sản phẩm thực phẩm đó. Điều này góp phần xây dựng niềm tin của xã hội vào chất lượng và uy tín của ngành thực phẩm, nâng cao ý thức người tiêu dùng trong việc lựa chọn sản phẩm phù hợp và an toàn. Tuy nhiên sự thách thức lớn nhất là cần phải xây dựng được tiêu chí xác định phân nhóm danh mục các sản phẩm thực phẩm này do đây là đối tượng sản phẩm thực phẩm chưa có trong Luật cũng như văn bản quy định về ATTP trước đây. Mặt khác Nhà nước phải đầu tư vào xây dựng hệ thống quản lý, giám sát và kiểm tra các sản phẩm thực phẩm đặc biệt. Điều này bao gồm kinh phí cho các cơ quan quản lý như thanh tra thực phẩm, trang bị công nghệ kiểm tra hiện đại và nâng cao năng lực của hệ thống phòng thí nghiệm để đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm. Các cơ quan liên quan cũng như hệ thống quản lý ATTP cũng phải cần thiết lập hợp tác với các cơ quan quản lý ATTP và các ngành liên quan (cảnh sát, hải quan) quốc tế để trao đổi, cập nhật thông tin về các sản phẩm đặc biệt cần phải quản lý chặt. Nguồn nhân lực của các cơ quan quản lý cần được đào tạo chuyên sâu về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và các

quy định quốc tế để quản lý và xử lý hiệu quả. Việc này có thể phát sinh chi phí nhưng cũng giúp nâng cao chuyên môn và hiệu quả quản lý.

Các sản phẩm thực phẩm đặc biệt được đưa vào quản lý có thể bị đánh thuế cao hơn để bảo vệ sức khỏe người tiêu dùng, đặc biệt là các sản phẩm có nguy cơ ảnh hưởng sức khỏe như đồ uống có cồn và thực phẩm chế biến sẵn. Thuế này cũng giúp tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Đồng thời, doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu hoặc kinh doanh các sản phẩm đặc biệt phải chịu các khoản phí cấp phép và phí kiểm tra an toàn trước khi đưa sản phẩm ra thị trường. Khoản thu này giúp nhà nước có thêm nguồn thu để hỗ trợ các hoạt động kiểm tra, quản lý và giám sát.

Đặc biệt, việc quản lý chặt chẽ các sản phẩm thực phẩm đặc biệt giúp giảm các rủi ro sức khỏe như ngộ độc thực phẩm, bệnh mãn tính và các vấn đề sức khỏe liên quan đến tiêu thụ thực phẩm không an toàn, chi phí cho dịch vụ y tế và chi phí xã hội giảm, giúp giảm gánh nặng cho ngân sách y tế nhà nước. Bên cạnh đó, khi sức khỏe cộng đồng được bảo vệ tốt hơn, người lao động sẽ có thể làm việc hiệu quả hơn, giảm thiểu thời gian nghỉ ốm và tăng năng suất lao động. Điều này đóng góp tích cực vào nền kinh tế quốc gia.

- Tác động đối với doanh nghiệp:

Để đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ sản xuất hiện đại, quy trình kiểm soát chất lượng tốt hơn, từ đó thúc đẩy sự phát triển công nghệ trong nước và nâng cao chất lượng ngành sản xuất thực phẩm.

Tăng cường nghiên cứu và phát triển: Để đảm bảo các quy định an toàn nghiêm ngặt khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm mới và áp dụng công nghệ tiên tiến, không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn giúp các doanh nghiệp đáp ứng tốt hơn nhu cầu trong nước và tăng khả năng cạnh tranh quốc tế.

Điều này cũng có thể tạo gánh nặng về chi phí cho doanh nghiệp nhưng đổi lại doanh nghiệp sẽ có cơ hội để củng cố niềm tin đối với người tiêu dùng đồng thời các sản phẩm có thể gia nhập cộng đồng quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu. Khi các sản phẩm thực phẩm đáp ứng được tiêu chuẩn an toàn quốc tế, cơ hội thâm nhập vào thị trường xuất khẩu sẽ gia tăng. Điều này đặc biệt có lợi cho các doanh nghiệp Việt Nam muốn xuất khẩu sang các thị trường khó tính như EU, Hoa Kỳ và Nhật Bản.

- Tác động đối với người tiêu dùng:

Có khả năng gia tăng chi phí với người tiêu dùng do giá thành sản phẩm tăng. Tuy nhiên, quản lý chặt chẽ các sản phẩm thực phẩm có thành phần đặc biệt giúp nâng cao ý thức tiêu dùng của người dân, khuyến khích lựa chọn sản phẩm an toàn, thân thiện với môi trường và sức khỏe. Điều này góp phần xây

dựng một xã hội tiêu dùng bền vững và có trách nhiệm.

b) Tác động về xã hội

Quản lý các sản phẩm thực phẩm cần kiểm soát đặc biệt có tác động tích cực đến nhiều khía cạnh xã hội, từ bảo vệ sức khỏe cộng đồng, nâng cao ý thức tiêu dùng, đến thúc đẩy sự công bằng trong kinh doanh và phát triển bền vững. Đây là bước đi chiến lược giúp xây dựng một xã hội khỏe mạnh, văn minh và có trách nhiệm hơn, đồng thời góp phần củng cố vị thế của quốc gia trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Quản lý các sản phẩm thực phẩm có thành phần kiểm soát đặc biệt là một yếu tố quan trọng nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng, đảm bảo chất lượng sản phẩm và khuyến khích tiêu dùng bền vững. Nhờ việc quản lý chặt chẽ, người tiêu dùng có thể yên tâm về tính an toàn của thực phẩm, và xã hội có thể duy trì một nền tảng kinh doanh thực phẩm minh bạch, bền vững và có trách nhiệm.

Việc quản lý chặt chẽ bảo vệ quyền lợi của tất cả các nhóm người tiêu dùng, đặc biệt là các đối tượng dễ tổn thương như trẻ em, người già và người có bệnh mãn tính, do họ thường cần các sản phẩm an toàn cao hơn.

c) Tác động về giới:

Các sản phẩm thực phẩm cần kiểm soát đặc biệt đưa vào quản lý sẽ tạo môi trường sống và sức khỏe tốt hơn, tránh các nguy cơ có hại cho sức khỏe và mang lại chất lượng dân số tốt hơn cho cả nam giới và nữ giới.

d) Tác động về thủ tục hành chính:

Tăng thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp và cơ quan nhà nước khi thực hiện quản lý các sản phẩm đặc biệt một cách chặt chẽ.

đ) Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Tạo ra môi trường cạnh tranh lành mạnh và phù hợp với các thông lệ quốc tế về kiểm soát đặc biệt đối với thực phẩm. Quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm theo chuẩn quốc tế giúp doanh nghiệp Việt Nam nâng cao vị thế cạnh tranh, giảm chi phí do bị trả lại hàng hay yêu cầu kiểm tra bổ sung tại các thị trường quốc tế

1.4.5. Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Lựa chọn giải pháp 1 vì:

Các sản phẩm thực phẩm có thể dùng sai mục đích là thực phẩm có hại cho sức khỏe cộng đồng (VD: có tác dụng gây nghiện, có thể chiết xuất các độc tố hoặc chất gây nghiện v.v..) là nhóm thực phẩm bắt buộc phải được quản lý chặt theo quy định cụ thể trong đó Chính phủ sẽ quy định cụ thể tiêu chí phân loại cũng như quy định cụ thể danh mục các sản phẩm thực phẩm cần quản lý chặt Phương thức quản lý cũng cần có những quy định cụ thể mang tính đặc thù với việc quy định cụ thể hơn vai trò trách nhiệm của các bên liên quan ngoài 3 Bộ ngành chủ chốt chính hiện nay như Bộ công an, Hải quan và Ngoại giao.